

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: *Đại học*
Ngành đào tạo: *Giáo dục thể chất*
Tên tiếng Anh: *Physical education*
Tên các chuyên ngành:
Mã ngành: 7140206
Loại hình đào tạo: *Vừa làm vừa học*
Hình thức đào tạo: *Liên thông từ Trung cấp lên Đại học*

Bình Định, 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1566 ngày 26 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Giáo dục thể chất** Mã ngành: 7140206
Tên tiếng Anh: **Physical education**
Tên các chuyên ngành:
Loại hình đào tạo: **Vừa làm vừa học**
Hình thức đào tạo: **Liên thông từ Trung cấp lên Đại học**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục Thể chất trình độ đại học, phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có kiến thức vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ Giáo dục thể chất và khoa học giáo dục; có kỹ năng sư phạm giảng dạy, huấn luyện và tổ chức các hoạt động Thể dục thể thao trong trường học; đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước; có chí hướng, có khả năng tự học, tự nghiên cứu...

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Chương trình được thiết kế nhằm trang bị những kiến thức cơ bản và nền tảng của lĩnh vực hoạt động Giáo dục thể chất, có năng lực sư phạm đáp ứng được yêu cầu giảng dạy môn học Giáo dục thể chất và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao trong nhà trường.

1.2.2. Kỹ năng

Có kỹ năng về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng được những kiến thức về tâm lý, giáo dục học, phương pháp dạy học, các yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, thực hiện chương trình và kiểm tra đánh giá môn học giáo dục thể chất cho học sinh – sinh viên trong các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Có kỹ năng thực hành các môn thể thao trong chương trình đào tạo.

Có kỹ năng trong tổ chức và quản lý các hoạt động thể dục thể thao của nhà trường. Có kỹ năng triển khai và thực hiện công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục thể chất.

1.2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Có năng lực hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có khả năng tự đổi mới, tự bổ túc, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ hoặc học tiếp ở các bậc học cao học, nghiên cứu sinh đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Có năng lực lập kế hoạch dạy học Giáo dục thể chất và tổ chức phong trào thể dục thể thao trong trường học, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; có năng lực tự chủ và biết tự chịu trách nhiệm về công việc chuyên môn và nghề nghiệp của mình.

2. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học

Sau khi tốt nghiệp có khả năng làm công tác giảng dạy môn học giáo dục thể chất ở các bậc học thuộc hệ thống Giáo dục quốc dân; là cán bộ chuyên môn trong các cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan quản lý xã hội về TDTT; hoặc tổ chức hướng dẫn hoạt động thể dục thể thao cho mọi người tại các đơn vị TDTT cơ sở, các câu lạc bộ TDTT.

Có thể học tập sau đại học ngành *Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục thể chất* tại Trường Đại học Quy Nhơn hoặc các trường có đào tạo ngành phù hợp trên toàn quốc hoặc quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Về kiến thức

PLO1: Phát triển các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp.

PLO2: Giải quyết các vấn đề cơ bản và nâng cao trong giảng dạy GDTC, nghiên cứu khoa học và trong các hoạt động TDTT.

PLO3: Xây dựng được kế hoạch đào tạo, quản lý và điều hành hoạt động nghề nghiệp.

3.2. Về kỹ năng

PLO4: Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp.

PLO5: Vận hành CTDT, tổ chức kiểm tra, đánh giá và cập nhật, phát triển được CTDT đó.

PLO6: Đánh giá dữ liệu và xử lý thông tin từ các tình huống thực tế trong hoạt động nghề nghiệp để nâng cao hiệu quả các hoạt động.

PLO7: Ứng dụng các kỹ năng sư phạm để tổ chức các hoạt động nội, ngoại khóa TDTT.

3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO8: Xây dựng được kế hoạch làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

PLO9: Lựa chọn được định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

PLO10: Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân và khả năng học tập suốt đời, góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

4. Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa

- Thời gian đào tạo: 03 năm - 6 học kỳ.
- Khối lượng kiến thức toàn khóa là 78 tín chỉ.

5. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ không chính quy hiện hành (tại thời điểm tuyển sinh).

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.

7. Cách thức đánh giá, Thang điểm

Theo Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.

8. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TH	TT	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
				LT	BT	TL				
I. Khối kiến thức chuyên ngành 59 TC										
<i>Các học phần bắt buộc 50 TC</i>										
1	HT9020005	Đo lường thể dục thể thao	2	30					GDTC	
2	T9020031	Sinh cơ Thể dục thể thao	2	30					GDTC	
3	HT9020001	Vệ sinh thể dục thể thao	2	30					GDTC	
4	HT9020013	Sinh lý thể dục thể thao	3	45					GDTC	
5	HT9020007	Y học thể dục thể thao	2	30					GDTC	
6	HT9020016	Lịch sử thể dục thể thao và lịch sử Olympic	2	30					GDTC	
7	T9020023	Quản lý thể dục thể thao	2	30					GDTC	
8	H9020011	Diễn kinh và phương pháp giảng dạy	3	15			30		GDTC	
9	H9020004	Thể dục và phương pháp giảng dạy	3	15			30		GDTC	

10	H9020032	Bóng đá và phương pháp giảng dạy	3	15			30		GDTC	
11	H9020009	Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy	3	15			30		GDTC	
12	H9020003	Đá cầu và phương pháp giảng dạy	3	15			30		GDTC	
13	H9020031	Bóng rổ và phương pháp giảng dạy	3	15			30		GDTC	
14	H9020025	Cầu lông và phương pháp giảng dạy	3	15			30		GDTC	
15	H9020024	Bơi và phương pháp giảng dạy	3	15			30		GDTC	
16	H9020014	Bóng ném và phương pháp giảng dạy	3	15			30		GDTC	
17	H9020015	Bóng bàn và phương pháp giảng dạy	2	15			15		GDTC	
18	H9020002	Cờ vua và phương pháp giảng dạy	2	15			15		GDTC	
19	H9020010	Trò chơi vận động và phương pháp giảng dạy	2	15			15		GDTC	
20	HT9020008	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	2	30					GDTC	
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)			3							
21	H9020006	Võ Taekwondo và phương pháp giảng dạy	3	15			30		GDTC	
	H9020012	Võ Karatedo và phương pháp giảng dạy	3	15			30		GDTC	
	H9020017	Võ cổ truyền Việt Nam và phương pháp giảng dạy	3	15			30		GDTC	
Các học phần tự chọn chuyên đề (chọn 1 trong 4 nhóm) 6/24										
22.a	T9020018	Bóng chuyền 1	3	15			30		GDTC	
22.b	T9020027	Bóng chuyền 2	3	15			30		GDTC	
23.a	T9020019	Bóng đá 1	3	15			30		GDTC	
23.b	T9020028	Bóng đá 2	3	15			30		GDTC	
24.a	T9020020	Cầu lông 1	3	15			30		GDTC	
24.b	T9020029	Cầu lông 2	3	15			30		GDTC	
25.a	T9020021	Bóng rổ 1	3	15			30		GDTC	
25.b	T9020030	Bóng rổ 2	3	15			30		GDTC	

II. Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực Sư phạm 13 TC										
26	HT9020026	Lý Luận và phương pháp giáo dục thể chất	3	45					GDTC	
27	H9020023	Lý luận và phương pháp Thể thao trường học	2	30					GDTC	
28	T9020032	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3				45		GDTC	
29	T9020033	Thực tập tốt nghiệp	5				75		GDTC	
III. Chuyên đề tốt nghiệp 6 TC										
30	HT9020033	Phương pháp xây dựng kế hoạch Giáo dục thể chất trong trường phổ thông	2	30					GDTC	
31	HT9020034	Tuyển chọn và huấn luyện VĐV thể thao trong trường học	2	30					GDTC	
32	HT9020035	Công tác GDTC các cấp học trong nhà trường	2	30					GDTC	

9. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Học kỳ 1

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	HT9020026	Lý luận và Phương pháp GDTC	3	45							GDTC	
2	H9020011	Điền kinh và phương pháp giảng dạy	3	15			30				GDTC	
3	H9020004	Thể dục và phương pháp giảng dạy	3	15			30				GDTC	
4	HT9020005	Đo lường thể dục thể thao	2	30							GDTC	
5	HT9020001	Vệ sinh thể dục thể thao	2	30							GDTC	
Tổng cộng			13	135			60					

Học kỳ 2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	H9020010	Trò chơi vận động và phương pháp giảng dạy	2	15			15				GDTC	
2	HT9020007	Y học thể dục thể thao	2	30							GDTC	
3	H9020003	Đá cầu và phương pháp giảng dạy	3	15			30				GDTC	
4	H9020009	Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy	3	15			30				GDTC	
5	HT9020008	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	2	30							GDTC	
Tổng cộng			12	105			75					

Học kỳ 3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
<i>Các học phần bắt buộc</i>												
1	H9020002	Cờ vua và phương pháp giảng dạy	2	15			15				GDTC	
2	H9020015	Bóng bàn và phương pháp giảng dạy	2	15			15				GDTC	
3	T9020031	Sinh cơ thể dục thể thao	2	30							GDTC	
4	HT9020013	Sinh lý thể dục thể thao	3	45							GDTC	
<i>Các học phần tự chọn chuyên đề (chọn 1 trong 4 nhóm) 3/12</i>												
5.a	T9020018	Bóng chuyền I	3	15			30				GDTC	
5.b	T9020019	Bóng đá I	3	15			30				GDTC	
5.c	T9020020	Cầu lông I	3	15			30				GDTC	
5.d	T9020021	Bóng rổ I	3	15			30				GDTC	
Tổng cộng			12	120			60					

Học kỳ 4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
<i>Các học phần bắt buộc</i>												
1	H9020024	Bơi và phương pháp giảng dạy	3	15			30				GDTC	
2		Tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)									GDTC	
	H9020017	Võ cổ truyền Việt Nam và phương pháp giảng dạy	3	15			30				GDTC	
	H9020006	Võ Taekwondo và phương pháp giảng dạy	3	15			30				GDTC	
	H9020012	Võ Karatedo và phương pháp giảng dạy	3	15			30				GDTC	
3	H9020025	Cầu lông và phương pháp giảng dạy	3	15			30				GDTC	
4	T9020022	Quản lý thể dục thể thao	2	30							GDTC	
<i>Các học phần tự chọn chuyên đề (chọn 1 trong 4 nhóm) 3/12</i>												
5.a	T9020027	Bóng chuyền 2	3	15			30				GDTC	
5.b	T9020028	Bóng đá 2	3	15			30				GDTC	
5.c	T9020029	Cầu lông 2	3	15			30				GDTC	
5.d	T9020030	Bóng rổ 2	3	15			30				GDTC	
Tổng cộng			14	90			120					

Học kỳ 5

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
<i>Các học phần bắt buộc</i>												
1	H9020031	Bóng rổ và phương pháp giảng dạy	3	15			30				GDTC	
2	H9020023	Lý luận và phương pháp Thể thao trường học	2	30							GDTC	
3	HT9020016	Lịch sử TDTT và lịch sử Olympic	2	30							GDTC	
4	H9020032	Bóng đá và phương pháp giảng dạy	3	15			30				GDTC	
5	H9020014	Bóng ném và phương pháp giảng dạy	3	15			30				GDTC	
Tổng cộng			13	105			90					

Học kỳ 6

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, DA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
<i>Các học phần bắt buộc</i>												
1	T9020032	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3				45				GDTC	
2	T9020033	Thực tập tốt nghiệp	5				75				GDTC	
<i>Chuyên đề tốt nghiệp</i>												
3	HT9020033	Phương pháp xây dựng kế hoạch GDTC trong trường phổ thông	2	30							GDTC	
4	HT9020034	Tuyển chọn và huấn luyện VĐV thể thao trong trường học	2	30							GDTC	
5	HT9020035	Công tác GDTC các cấp học trong nhà trường	2	30							GDTC	
Tổng cộng			14	90			120					

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh năm 2022 cho ngành Giáo dục thể chất.

- Quá trình đào tạo dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa sẽ tư vấn cho học viên chọn những học phần thích hợp.

- Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

- Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật mỗi 2-3 năm, đáp ứng sự phát triển của ngành Giáo dục thể chất và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội./.

Bình Định, ngày 20 tháng 06 năm 2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Sỹ Đức

KẾ TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

PTP


Huỳnh Công Phú

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn